

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ TÍN DỤNG ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ

STT	Danh mục các loại phí	Mức phí	Căn cứ tính	VAT
1	Phát hành thẻ	Miễn phí	Thẻ	
2	Phí thường niên		Thẻ	
2.1	Phí thường niên năm đầu	Miễn phí	Thẻ	
2.2	Phí thường niên năm thứ 2 trở đi	400.000 VNĐ	01 thẻ/năm	
3	Phí phát hành thẻ nhanh (trong vòng 02 ngày làm việc)	300.000 VNĐ	01 thẻ	
4	Phí thay đổi hạn mức thẻ tín dụng/hạn mức quản lý sử dụng thẻ	100.000 VNĐ	01 lần	
5	Phí thay đổi hình thức đảm bảo phát hành thẻ	100.000 VNĐ	01 lần	
6	Phí phát hành lại thẻ (Giữ nguyên số thẻ, mất cắp, thất lạc, hư hỏng,...)	200.000 VNĐ	01 thẻ	VAT
7	Phí cấp lại PIN	100.000 VNĐ	01 lần	VAT
8	Phí tra soát khiếu nại (nếu khiếu nại sai)	80.000 VNĐ	01 lần	VAT
9	Phí thông báo thẻ mất cắp, thất lạc	100.000 VNĐ	01 lần	VAT
10	Phí cấp/gửi sao kê			
10.1	Phí cấp bản sao kê	80.000 VNĐ	01 lần	VAT
10.2	Phí cấp bản sao kê (nhận qua đường bưu điện, đã bao gồm phí chuyển phát)	100.000 VNĐ	01 lần	VAT
11	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch			
11.1	Tại đơn vị chấp nhận thẻ của PVComBank	20.000 VNĐ	01 Hóa đơn	VAT
11.2	Tại đơn vị chấp nhận thẻ của Ngân hàng khác	80.000 VNĐ	01 Hóa đơn	VAT
12	Phí xác nhận thông tin thẻ theo yêu cầu của khách hàng	100.000 VNĐ	01 lần	VAT
13	Phí đóng thẻ	Miễn phí		
14	Phí sử dụng vượt hạn mức	100.000 VNĐ	01 lần trong 01 kỳ sao kê	

STT	Danh mục các loại phí	Mức phí	Căn cứ tính	VAT
15	Phí phạt chậm thanh toán	5% số tiền chậm thanh toán Tối thiểu: 80.000 VNĐ	Số tiền giao dịch (tính trên số lần phát sinh chậm trả, không bao gồm lãi phạt chậm thanh toán)	
16	Phí quản lý chi tiêu ngoại tệ (Không áp dụng các giao dịch VND)	2,3% * số tiền giao dịch đã quy đổi sang VNĐ	Số tiền giao dịch	VAT
17	Phí thay đổi trạng thái thẻ (mở, khóa theo yêu cầu của khách hàng)	Miễn phí		
18	Phí yêu cầu khác	100.000 VNĐ	01 lần	VAT
19	Lãi suất	25%	Lãi suất/năm	
20	Số tiền thanh toán tối thiểu	Giá trị giao dịch trả góp đến hạn trong kỳ (nếu có)+5% dư nợ cuối kỳ còn lại (không bao gồm dư nợ giao dịch trả góp) + Dư nợ vượt hạn mức (nếu có)Tối thiểu: 100.000 VNĐ	Kỳ sao kê	
21	Phí dịch vụ SMS banking	Miễn phí	Kỳ sao kê/thuê bao	VAT
22	Phí chọn số thẻ theo yêu cầu (Phí chọn số thẻ theo yêu cầu không bao gồm Phí chọn số thẻ đẹp. Quy định số thẻ đẹp được PVcomBank ban hành theo từng thời kỳ)	500.000 VNĐ	01Thẻ	VAT